

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 10 - 5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phàn Chân Bính

Ông Vũ Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 06/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 26/4/2018 đối với bị cáo:

Lù Mí D; sinh ngày 21 tháng 6 năm 1994 tại xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Chứ L và bà Hạng Thị L; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày 29/11/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Anh Vừ Mí S; tên gọi khác: Vừ Mí S; sinh năm 1996 (Đã tử vong).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Vừ Mí S: Chị Vừ Thị C, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lò Chứ L, sinh năm: 1965; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Anh Lò Mí T, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh Giàng Mí L, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

2. Anh Vừ Mí D, sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/10/2017, Lò Mí D điều khiển xe mô tô mang biển số: 23C4 - 002.13 (có giấy phép lái xe hợp lệ) đi từ trường cấp II xã B theo hướng xã B về xã C, đi được khoảng 100 mét thì có Vừ Mí S (tên gọi khác: Vừ Mí S) điều khiển xe mô tô mang biển số: 23L1- 064.01 đi ngược chiều. Do thiếu quan sát và bị đèn xe ngược chiều chiếu vào mắt gây chói, D điều khiển xe mô tô lấn chiếm phần đường của xe đi ngược chiều 50 cm (tính từ tim đường), đâm vào xe mô tô do S điều khiển làm hai xe mô tô đổ ra đường, Vừ Mí S bị rơi xuống ta luy âm 23,8 mét. D và S đều bị thương được người dân phát hiện đưa đi cấp cứu, hai xe máy bị hư hỏng nặng. Do vết thương quá nặng nên Vừ Mí S đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

* Vật chứng vụ án thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Elengant mang BKS: 23C4 - 002.13, số khung: 10KHAH052521, số máy: SACB-H052521, đã qua sử dụng, trên xe bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius mang BKS: 23L1 - 064.01, số máy: 5C6J147708, số khung: C6J0FY147707, đã qua sử dụng, trên xe có nhiều bộ phận bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được.

Trong quá trình điều tra xác định: Xe mô tô mang biển số: 23C4-002.13 do Lò Mí D điều khiển thuộc sở hữu của anh Lò Mí T anh trai của D. Xe mô tô mang biển số: 23L1 - 064.01 do Sò điều khiển là xe của Vừ Mí S.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/10/2017 xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường cua dốc, mặt đường dải nhựa, lòng đường có chiều rộng 3,4m, bên phải đường là ta luy dương, bên trái đường là ta luy âm. Xe mô tô do Lò Mí D điều khiển lấn sang bên trái đường 50cm tính từ tim đường.

Tại Phiếu đo nồng độ cồn trong hơi thở số ID: 858891, biên bản 01356 hồi 01 giờ 40 phút ngày 05/10/2017 xác định: Nồng độ cồn trong hơi thở của Lò Mí D đạt 0,290 miligam/01 lít khí thở, vượt quá mức quy định của pháp luật, vi phạm khoản 8 điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Tại báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông của Công an huyện Q xác định: Lò Mí D điều khiển phương tiện mô tô tham gia giao thông trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,25 mg đến 0,4 mg/l (0,290 mg/l), lấn chiếm sang phần đường của xe đi ngược chiều 50cm tính từ tim đường.

- Điều khiển xe cơ giới không đi đúng phần đường (giành đường) vi phạm điểm g khoản 4 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP, khoản 11 Điều 8 Luật GTĐB.

- Điều khiển xe cơ giới không chú ý quan sát gây tai nạn giao thông vi phạm điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 334/PC54-KLPY ngày 05/11/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Nguyên nhân chết của anh Vừ Mí S do Chấn thương sọ não.

Tại Kết luận giám định số 5156/C54(P4) ngày 23/10/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Mẫu máu ghi thu của tử thi Vừ Mí S gửi giám định không tìm thấy chất Ethanol.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận: Giá trị thiệt hại của tài sản vụ án (02 xe máy) là 5.536.667đ (Năm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

* Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình truy tố và thời gian chuẩn bị xét xử, ông Lò Chử L là bố của bị cáo D và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại anh Vừ Mí S số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), bao gồm chi phí mai táng phí và tổn thất về tinh thần và tất cả các chi phí khác.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSQB ngày 05/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Lò Mí D về tội Vi phạm quy

định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo điểm b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lù Mí D phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lù Mí D từ 22 đến 26 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị trả lại các tài sản sau:

Trả lại cho anh Lù Mí T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Ellegant mang BKS: 23C4 - 002.13, số khung: 10KHAH052521, số máy: SACB-H052521. Xe đã cũ, trên xe bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được.

Trả lại cho chị Vừ Thị C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius mang BKS: 23L1 - 064.01, số máy: 5C6J147708, số khung: C6J0FY147707. Xe đã cũ, trên xe có nhiều bộ phận bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được.

Về trách nhiệm dân sự: Dohai bên đã thỏa thuận bồi thường xong nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo Lù Mí D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện của bị hại, chị Vừ Thị C nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự thì gia đình bị cáo đã bồi thường xong số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), chị đã nhận đủ, nay chị C không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Về chiếc xe mô tô đã bị hư hỏng, chị C không yêu cầu bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lù Mí T không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường chiếc mô tô của anh mà bị cáo D đã làm hư hỏng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lù Chứ L không yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho ông số tiền 70.000.000đ ông đã bồi thường thay bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận tội do bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lù Mí D thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng, đại diện bị hại, người có quyền lợi liên quan, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông. Tất cả phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào các chứng cứ này và kết luận giám định pháp y về nguyên nhân cái chết của bị hại của cơ quan chuyên môn, đối chiếu với quy định tại Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án có đủ cơ sở kết luận ngày 04/10/2017, Lù Mí D đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số: 23C4 - 002.13, đi không đúng làn đường và điều khiển xe mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (nồng độ cồn trong hơi thở của Lù Mí D là 0,290 mg Ethanol(cồn)/1 lít khí thở. Như vậy, Lù Mí D đã có hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, quy định tại khoản 1 Điều 9 và vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng của anh Vừ Mí S. Do đó, bị cáo đã Vi phạm quy định về điều khiển phương giao thông đường bộ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

a).....

b) trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm hai khách thể là trật tự an toàn giao thông đường bộ và tính mạng, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nên nhận thức được khi tham gia giao thông thì phải chấp hành đúng quy định về an toàn giao thông như: không sử dụng rượu bia, phải chú ý quan sát, nhường đường khi tham gia giao thông... Nhưng ngược lại, bị cáo đã bất chấp quy định, quá tự tin, cẩu thả khi tham gia giao thông, bị cáo đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, làm chết 01 người, gây thiệt hại về tài sản cho người khác tổng trị giá 5.536.667đ (Năm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm này tại địa phương.

[4] Về Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lù Mí D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tính đến thời điểm phạm tội chưa vi phạm pháp luật tại địa phương, mới phạm tội lần đầu. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Elengant mang BKS: 23C4 - 002.13, số khung: 10KHAH052521, số máy: SACB-H052521. Xe đã cũ, trên xe bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được, là tài sản thuộc sở hữu anh Lù Mí T không thuộc trường hợp tịch thu, nên trả lại như hiện trạng khi thu giữ cho anh Lù Mí T.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius mang BKS: 23L1 - 064.01, số máy: 5C6J147708, số khung: C6J0FY147707. Xe đã cũ, trên xe có nhiều bộ phận bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được, là tài sản thuộc sở hữu bị hại Vũ Mí S không thuộc trường hợp tịch thu, nên trả lại như hiện trạng khi thu giữ cho người đại diện hợp pháp của bị hại chị Vũ Thị C.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn truy tố và chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo D đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền, tại phiên tòa chị Vũ Thị C không đề nghị gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Chứ L không yêu cầu bị cáo D phải trả cho ông số tiền 70.000.000đ ông đã bồi thường thay bị cáo; anh Lù Mí T không yêu cầu bị cáo D bồi thường chiếc xe mô tô bị cáo đã làm hư hỏng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 331 và Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lù Mí D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Lù Mí D 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 29/11/2017.

Về vật chứng:

Trả lại cho anh Lù Mí T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Elengant mang BKS: 23C4 - 002.13, số khung: 10KHAH052521, số máy: SACB-H052521. Xe đã cũ, trên xe bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được.

Trả cho chị Vừ Thị C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius mang BKS: 23L1 - 064.01, số máy: 5C6J147708, số khung: C6J0FY147707. Xe đã cũ, trên xe có nhiều bộ phận bị vỡ và hư hỏng nặng, hiện không còn sử dụng được.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữ cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q với Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, ngày 06/4/2018).

Về án phí: Buộc bị cáo Lù Mí D phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự”.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Lù Mí D, người đại diện hợp pháp của bị hại chị Vừ Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lù Mí T, ông Lù Chứ L có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Q (2);
- Công an huyện Q (2);
- Chi cục THADS huyện Q;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- UBND xã Cán Tỷ huyện Q;
- UBND xã Bát Đại Sơn huyện Q;
- Bị cáo;
- Người đại diện của bị hại;
- Những người có QLNVLQ;
- Lưu hsva, hsth, vp.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Thuận